TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 25-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Thuỷ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Phúc Tuệ
2. Ông Trần Minh Khai

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Kiên Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 12/4/1973 tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1936 (đã chết); vợ: Trần Thị S, sinh năm 1974, con: 03 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 07 tháng 12 năm 2018. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:
Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Chị Trần Thị Hương S, sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

- Người làm chứng:
Anh Đinh Đức T, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn V 2, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/11/2018, Nguyễn Quang Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HonDa – AIRBLADE, biển kiểm soát 73E1 – 158.69 đến quán cắt tóc của chị Đoàn Thị T ở tiểu khu 1, thị trấn Đ, huyện T để chơi nhưng thấy quán đóng cửa. Đ gọi điện thoại cho chị T và biết chị T đi chơi chưa về. Do có mối quan hệ từ trước nên Đ có chìa khoá của quán. Đ dùng chìa khoá mở cửa sau đi vào. Nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 73D1 – 127.85 của chị T để trong quán nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ lục tìm chìa khoá rồi mở cốp xe, phát hiện có một chiếc túi xách bằng vải màu xám, bên trong túi có một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, một giấy phép lái xe mô tô, một thẻ bảo hiểm y tế, tất cả đều mang tên Đoàn Thị T và 9.000.000 đ (chín triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đ lấy trộm chiếc túi cùng toàn bộ tài sản trên, khoá cửa quán cắt tóc rồi đi theo đường Quốc lộ 12A về xã M, huyện T. Khi đến cầu M, Đ vứt cả chìa khoá quán cắt tóc và chìa khoá xe mô tô của chị T xuống sông rồi đi về công trình ở xã M. Ngày 03/12/2018, Nguyễn Quang Đ đến trụ sở Uỷ ban nhân dân xã H, huyện M vứt cái túi cùng toàn bộ giấy tờ của chị T ở chân cầu thang, còn số tiền 9.000.000 đồng Đ cất giữ tiêu xài cá nhân. Ngày 04/12/2018, hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện, Nguyễn Quang Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã thu giữ:

- 01 (một) túi vải màu xám, kích thước tương ứng dài 18 cm, rộng 11 cm, mặt ngoài có đính lô gô in chữ JIN YUAN LI, túi đã qua sử dụng.
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003472, biển số đăng ký 73D1 – 127.85 mang tên Đoàn Thị T.
- 01 một giấy phép lái xe số 441165000306 mang tên Đoàn Thị T.
- 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mã số GD4444420981029 mang tên Đoàn Thị T.
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Xử lý vật chứng: Số vật chứng vụ án nêu trên, ngày 03/01/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu chị Đoàn Thị T.

Hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng Công an huyện Tuyên Hoá gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, số loại AIRBLADE, màu sơn trắng – vàng – đen, biển kiểm soát 73E1 – 158.69, số khung: 301445, số máy: 4173652, xe đã qua sử dụng.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 017433, biển số đăng ký 73E1 – 158.69 mang tên Nguyễn Quang Đ.

Đối với chiếc chìa khoá xe mô tô và chiếc chìa khoá quán cắt tóc của chị Đoàn Thị T, sau khi lấy trộm được tài sản, Nguyễn Quang Đ đã vứt xuống sông

dưới cầu M. Vì vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đoàn Thị T đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt. Chị T không yêu cầu gì thêm. Đối với chiếc chìa khoá nhà và chiếc chìa khoá xe mô tô của chị T đã bị Nguyễn Quang Đ vứt xuống dòng sông do giá trị thấp nên chị T tự khắc phục và không yêu cầu bồi thường.

Hành vi của bị cáo đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá làm rõ.

Bản Cáo trạng số: 06/CT-VKSTH-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Nguyễn Quang Đ từ 09 đến12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, số loại AIRBLADE cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Hương S – vợ hợp pháp của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đoàn Thị T không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Quang Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Bị cáo nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy trình điều tra, truy tố và thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét gì thêm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Quang Đ đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý và bảo vệ tài sản của người bị hại đã lén lút lấy trộm tài sản của chị Đoàn Thị T gồm: Một chiếc túi xách bằng vải màu xám trong đó có một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, một giấy phép lái xe mô tô, một thẻ bảo hiểm y tế, tất cả đều mang tên Đoàn Thị T và 9.000.000 đ (chín triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của chị Đoàn Thị T. Sau khi lấy trộm tài sản, bị cáo vứt chìa khoá của quán cắt tóc và chìa khoá xe mô tô của chị T xuống sông đồng thời đến trụ sở Uỷ ban nhân dân xã H, huyện M vứt túi xách cùng toàn bộ giấy tờ của chị T ở chân cầu thang nhằm để phi tang và che giấu hành vi của mình. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của chị Đoàn Thị T. Số tiền mà Nguyễn Quang Đ đã chiếm đoạt là 9.000.000đ (chín triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Quang Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, số tiền mà bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của Kiểm sát viên. Do đó có đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Quang Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đúng như Bản cáo trạng và Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quang Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quang Đ phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vậy Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo.

[5] Về mức án mà Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là cố ý trực tiếp chiếm đoạt tài sản của chị Đoàn Thị T, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội cần được xử lý nghiêm. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị mức án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá và cần áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội

mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục, phù hợp chính sách nhân đạo của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Ngày 03/01/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Đoàn Thị T gồm: 01 túi vải màu xám, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe mô tô, một thẻ bảo hiểm y tế, tất cả đều mang tên Đoàn Thị T và 9.000.000 đ (chín triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra đảm bảo theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu hiệu HonDa, số loại AIRBLADE, màu sơn trắng – vàng – đen, biển kiểm soát 73E1 – 158.69, số khung: 301445, số máy: 4173652, xe đã qua sử dụng, Nguyễn Quang Đ sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản là tài sản chung của vợ chồng giữa bị cáo và chị Trần Thị Hương S. Ngày 08/01/2019, chị Trần Thị Hương S có đơn xin nhận lại tài sản có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Q. Chị S không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi trộm cắp nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Trần Thị Hương S là người quản lý hợp pháp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đoàn Thị T đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt. Chị T không yêu cầu bồi thường. Tại phiên toà, chị T vắng mặt nhưng quá trình điều tra, chị T không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án buộc bị cáo Nguyễn Quang Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Quang Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Quang Đ cho Uỷ ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được

hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho chị Trần Thị Hương S:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, số loại AIRBLADE, màu sơn trắng - vàng - đen, biển kiểm soát 73E1 - 158.69, số khung: 301445, số máy: 4173652, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 017433, biển số đăng ký 73E1 – 158.69 mang tên Nguyễn Quang Đ.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án buộc bị cáo Nguyễn Quang Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2019). Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Công an huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đoàn Thị Bích Thuỷ

.